

UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
PHÒNG NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 474 /NV

Bình Chánh, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Về báo cáo công tác kê khai, công khai
tài sản, thu nhập năm 2015

Kính gửi:

- Lãnh đạo cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Huyện;
- Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích Huyện;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - thị trấn.

Căn cứ Kế hoạch số 249/KH-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập đối với cán bộ, công chức, viên chức năm 2015. Phòng Nội vụ đề nghị Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ công ích Huyện và Ủy ban nhân dân xã, thị trấn báo cáo kết quả về công tác kê khai và việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức năm 2015 tại cơ quan, đơn vị (danh sách người có nghĩa vụ kê khai của từng cơ quan, đơn vị được nêu tại Quyết định số 10498/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh).

Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn quan tâm chỉ đạo thực hiện việc báo cáo và gửi đến Phòng Nội vụ **trước ngày 25 tháng 3 năm 2016** để tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện báo cáo đến Thanh tra Thành phố.

(Đính kèm: Nội dung báo cáo; biểu tổng hợp số liệu và mẫu biên bản công khai bản kê khai tài sản, thu nhập).

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT UB huyện;
- Lưu: P.NV.



Đương Thị Uyên Chi

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : /BC.....

Bình Chánh, ngày tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO

Kết quả minh bạch tài sản, thu nhập năm

Việc thực hiện minh bạch tài sản, thu nhập theo Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ, Thông tư số 00/2013/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ và các văn bản hướng dẫn hướng dẫn số của (tên cơ quan hướng dẫn) về minh bạch tài sản, thu nhập, (tên cơ quan/tổ chức/đơn vị) báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập của mình như sau:

1. Quá trình chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện quy định về minh bạch tài sản, thu nhập

Nội dung phần báo cáo này nhằm phản ánh những phạm vi, đặc điểm về tổ chức bộ máy, hoạt động và việc tổ chức thực hiện công tác minh bạch tài sản, thu nhập của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong năm bao gồm:

- Phạm vi, đặc điểm tổ chức, hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Các văn bản pháp luật áp dụng;
- Các văn bản chỉ đạo, đôn đốc của cấp trên;
- Các văn bản cơ quan, đơn vị đã triển khai như: Kế hoạch, phương án, tổ chức tuyên truyền;
- Phân công thực hiện;
- Quá trình thực hiện các nhiệm vụ kê khai, công khai, quản lý hồ sơ, tiến hành xác minh, xem xét kỷ luật, tổng hợp báo cáo ...
- Những thuận lợi hay khó khăn, vướng mắc.

2. Kết quả thực hiện minh bạch tài sản, thu nhập

2.1 Kết quả kê khai

Tình hình chung triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập của cơ quan, tổ chức, đơn vị bao gồm thời gian tiến hành, cách thức tổ chức, số đơn vị (trực thuộc) phải/đã triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập (có thể chia thành các nhóm theo đặc điểm hoạt động); tỷ lệ % số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã thực hiện; số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc thực hiện kê khai chậm so với thời gian quy định (danh sách), lý do.

Số liệu về số người kê khai gồm:

- Số người phải kê khai tài sản, thu nhập trong năm; trong đó số người .trước, lý do.
- Số người đã kê khai tài sản, thu nhập trong năm; tỷ lệ .. % số người kê khai;
- Số lượng bản kê khai tài sản, thu nhập lưu giữ tại cơ quan, tổ chức, đơn

vị;

- Số lượng và danh sách bản kê khai thuộc diện cấp ủy quản lý;
- Số lượng và danh sách bản kê khai do tổ chức cấp trên quản lý;

2.2 Kết quả công khai

Tình hình chung triển khai việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của cơ quan, tổ chức, đơn vị bao gồm thời gian tiến hành, cách thức tổ chức, số đơn vị (trực thuộc) phải/đã triển khai thực hiện công khai bản kê khai tài sản, thu nhập; tỷ lệ % số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã thực hiện kê khai; số cơ quan, đơn vị thực hiện công khai bằng hình thức niêm yết; số điểm niêm yết; số cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện công khai bằng hình thức công bố tại cuộc họp; số cuộc họp; số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện công khai hoặc thực hiện chậm so với thời gian quy định (danh sách), lý do.

Tình hình thông tin phản ánh sau khi công khai các bản kê khai tài sản, thu nhập trong năm.

Số liệu về số bản kê khai được công khai:

- Số bản kê khai đã công khai; tỷ lệ% so với số bản đã kê khai;
- Số bản kê khai đã công khai theo hình thức niêm yết; tỷ lệ% so với số bản đã công khai;
- Số bản kê khai đã công khai theo hình công bố tại cuộc họp; tỷ lệ% so với số bản đã công khai.

2.3 Kết quả thực hiện giải trình, xác minh tài sản, thu nhập

Tình hình thực hiện giải trình, xác minh tài sản, thu nhập trong cơ quan, đơn vị bao gồm việc tự kiểm tra, yêu cầu của công tác quản lý cán bộ, yêu cầu xác minh của các cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền. Việc yêu cầu giải trình và xem xét giải trình trong minh bạch tài sản, thu nhập của cơ quan, đơn vị. Việc xác minh, kết luận về minh bạch tài sản, thu nhập của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Số liệu về giải trình, xác minh tài sản, thu nhập

- Số người yêu cầu giải trình kê khai, nguồn gốc tài sản, thu nhập;
- Số người được xác minh tài sản, thu nhập;
- Số người đã có kết luận về Minh bạch tài sản, thu nhập;
- Số người đã có kết luận không trung thực trong minh bạch tài sản, thu nhập;

2.4 Kết quả xử lý kỷ luật trong xác minh tài sản, thu nhập

Tình hình vi phạm và xem xét xử lý các vi phạm về minh bạch tài sản, thu nhập trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Số liệu về xử lý vi phạm

- Số người đã bị xử lý kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực; chia theo hình thức kỷ luật (cảnh cáo; khiển trách; hình thức khác).
- Số người đã bị xử lý kỷ luật do vi phạm thời hạn trong minh bạch tài sản, thu nhập (chậm tổ chức kê khai, chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả minh bạch tài sản) và chia theo hình thức xử lý kỷ luật.
- Số người đã bị xử lý trách nhiệm trong xác minh tài sản, thu nhập chia theo các lỗi vi phạm và hình thức xử lý.

3. Đánh giá chung.

- Các mặt thuận lợi, khó khăn khi triển khai công tác minh bạch, tài

sản trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

- Các ý kiến góp ý, đề xuất khắc phục.

Nơi nhận:

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị
Ký tên, đóng dấu

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BB....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

Về công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm....
(bằng hình thức niêm yết)

Căn cứ Điều 13, Điều 14 Chương III Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Điều 9 Chương II Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ về công khai bản kê khai tài sản, thu nhập.

Hôm nay, ngày tháng năm (cơ quan, đơn vị.....) tiến hành lập biên bản về công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm..... đối với cán bộ, công chức, viên chức trong (cơ quan, đơn vị), như sau:

1. Thành phần tham dự lập Biên bản (gồm Thủ trưởng cơ quan, đại diện Ban chấp hành Công đoàn cơ sở)

2. Thời gian niêm yết bản kê khai tài sản, thu nhập (tối thiểu là 30 ngày liên tục) kể từ ngày...tháng...năm.....đến ngày...tháng...năm

3. Địa điểm niêm yết: Ghi rõ địa điểm niêm yết; cơ quan, đơn vị có quy mô nhỏ, trụ sở làm việc tập trung thì niêm yết tại trụ sở làm việc. Cơ quan, đơn vị có quy mô lớn, có nhiều bộ phận trực thuộc, thì niêm yết tại nơi làm việc của từng bộ phận.

4. Bản danh sách người có nghĩa vụ kê khai và bản kê khai tương ứng (cần ghi rõ họ tên, năm sinh, chức vụ người có nghĩa vụ kê khai (theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện) vào Biên bản.

5. Ghi các phản ánh liên quan đến nội dung kê khai trong quá trình niêm yết tại cơ quan, đơn vị.

6. Nhận xét: Việc niêm yết bản kê khai tài sản, thu nhập năm của cơ quan, đơn vị..... đúng quy định của pháp luật./.

Ban chấp hành Công đoàn cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB.....

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

Họp cơ quan, đơn vị công khai bản kê khai tài sản,
thu nhập năm.....

Căn cứ Điều 13, Điều 14 Chương III Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Điều 10 Chương II Thông tư số 08/2013/TT-TTCT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ về công khai bản kê khai tài sản, thu nhập.

Hôm nay, vào lúc..... giờ..... phút....., ngày tháng năm(cơ quan, đơn vị.....) tiến hành họp cơ quan (đơn vị) để công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm..... đối với cán bộ, công chức, viên chức (cơ quan, đơn vị.....), như sau:

1. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vịngười (bảo đảm số người dự họp tối thiểu là 70 % tổng số cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị).

2. Thành phần tham dự cuộc họp, gồm: (các ông, bà)

- Thủ trưởng cơ quan;
- Chủ tịch Công đoàn cơ sở;.....
- Công chức (viên chức) cơ quan, đơn vị.....

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nêu lý do, mục đích cuộc họp; nêu danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2014 (theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện)

4. Bản thân người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập đọc bản kê khai (hoặc cơ quan cử một người đọc giúp).

Ông.....

Bà.....

Ông.....

Bà.....

5. Ghi những ý kiến phản ánh, thắc mắc và giải trình về nội dung bản kê khai (nếu có); ghi cụ thể cho từng người (nếu không có phản ánh, thắc mắc thì ghi vào biên bản: không có).

Cuộc họp cơ quan, đơn vị về công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm..... kết thúc vào lúc.... giờ..... phút cùng ngày./.

Ban chấp hành Công đoàn cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)